

Bản án số: 31/2018/ HS-ST

Ngày 05-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Ân.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân;

Ông Nguyễn Quang Vinh.

- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sang – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/TLST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 21/6/2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Đỗ Mạnh T**, sinh năm 1975. Tên gọi khác: T Mèo

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 01, ngõ 04, phố Q, phường Q, thị xã S, thành phố H. Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị K (đã chết).

- Gia đình có 09 anh, chị, em, bản thân là thứ chín;

- Bị cáo chưa có vợ, con.

- Nhân thân:

+ Tháng 10/1997, Công an thị xã S phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản công dân.

+ Bản án số 54/HSST ngày 28/9/1998, Tòa án nhân dân thị xã S xử 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng và 50.000đ án phí về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, tài sản trộm cắp là 01 vô tuyến và 01 điều khiển vô tuyến. T đã chấp hành xong án phí ngày 18/11/1998.

+ Quyết định số 524/2003 ngày 30/5/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 02 năm về hành vi trộm cắp tài sản. T đã chấp hành xong.

+ Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/7/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 02 năm về hành vi gây rối trật tự công cộng. T đã chấp hành xong.

+ Ngày 06/8/2008, Công an phường Q, thành phố S, H xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 45/2009/HSST ngày 28/4/2009, Tòa án nhân dân thành phố S, H xử phạt T 15 tháng tù và 50.000đ án phí về tội trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp là hàng hóa, vàng mã trị giá 2.148.000đ. T đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành án phí ngày 08/6/2009.

-Tiền án:

+ Bản án số 43/2015/HSST ngày 16/6/2015, Tòa án nhân dân thị xã S, H xử phạt 18 tháng tù và 200.000đ án phí về tội trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp là 01 bộ máy vi tính, cuộn dây điện và tiền, tổng trị giá 14.450.000đ. T chấp hành xong án phí ngày 01/7/2015, chấp hành xong hình phạt tù tháng 8/2016.

+ Bản án số 152/2016/HSST ngày 30/11/2016 Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố H xử 18 tháng tù và 200.000đ án phí về tội Trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp 01 xe mô tô trị giá 20.000.000đ. T chấp hành xong án phí ngày 25/5/2017, ra trại ngày 08/02/2018.

- Tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt quả tang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- **Người bị hại:** Anh Trần Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 16Z7B, phường B, quận H, thành phố H.

- **Người làm chứng:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 22/3/2018, T từ nhà đem theo 01 túi xách đi xe mô tô, biển kiểm soát 14P3- 6355 mượn của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 ở phòng 16Z7B, phường B, quận H, thành phố H đến đền “Cô Bé” ở thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, mục đích để trộm cắp tiền ở các ban thờ vì trước đó T đã đến đền và biết khách đến làm lễ để tiền công đức ở các ban thờ. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T đi đến đền, dựng xe mô tô ở sân, đi bộ vào trong đền thấy có một số người đang làm lễ, T đợi cho khách làm lễ xong đi ra ngoài phát hiện thấy tại “ban thờ mẫu” có để một số tờ tiền (T khai có mệnh giá từ 1.000đ đến 50.000đ), lúc này T tiến sát đến “ban thờ mẫu” dùng tay vớ trộm cắp các tờ tiền tại ban thờ cất vào túi xách đeo trên người. Sau đó T tiếp tục đi đến ban thờ “động thờ chúa sơn trang” ở sát cửa ra vào đền thấy có nhiều tờ tiền (T khai có mệnh giá từ 1.000đ đến 5.000đ) T dùng tay trộm cắp tiền cất vào túi xách đeo trên người. Khi T đang đi ra ngoài để về thì bị anh Trần Văn K, anh Trần Văn C phát hiện giữ lại sau đó báo Công an xã H đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. T khai nhận số tiền 720.000đ ở trong túi xách là do T vừa trộm cắp ở các ban thờ trong đền.

Bản cáo trạng số 38/CT-VKS-LG ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã truy tố Đỗ Mạnh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phân tích, đánh giá tính C, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T và vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với T, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh T từ 07 (bảy) tháng đến 10 (mười) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/3/2018. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách giải da màu nâu, có quai đeo.

Trả lại bị cáo T 01 thẻ căn cước mang tên Đỗ Mạnh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE; 01 ví giả da màu đen, bên trong có 1.490.000đ là tài sản của T không liên quan hành vi trộm cắp nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi, tội trạng của mình, không tranh luận gì với quan điểm luận tội, buộc tội của Viện kiểm sát, bị cáo tha thiết xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đỗ Mạnh T khai nhận về hành vi phạm tội vào hồi 22 giờ 30 phút ngày 22/3/2018, tại đền “Cô Bé” của gia đình anh Trần Văn K, sinh năm 1989 ở thôn C, xã H, huyện L, tỉnh B, Đỗ Mạnh T đã có tiền án về tội “ Trộm cắp tài sản” có hành vi trộm cắp số tiền 720.000đ tại các ban thờ trong đền là tiền của gia đình anh Trần Văn K thì bị anh K cùng anh Trần Văn C phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng và trình báo công an xã H để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai thú nhận tội của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an xã H lập ngày 22/3/2018 cùng vật chứng thu giữ được, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, tài sản bị cáo trộm cắp là tiền, số tiền

là 720.000đ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đỗ Mạnh T phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, bản cáo trạng số 38/CT-VKS-LG ngày 30/5/2018 của VKSND huyện Lạng Giang truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự an ninh. Do vậy cần có một mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Xét về nhân thân bị cáo thì thấy:

+ Tháng 10/1997, Công an thị xã S phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản công dân.

+ Bản án số 54/HSST ngày 28/9/1998, Tòa án nhân dân thị xã S xử 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng và 50.000đ án phí về tội “Trộm cắp tài sản công dân”, tài sản trộm cắp là 01 vô tuyến và 01 điều khiển vô tuyến. T đã chấp hành xong án phí ngày 18/11/1998.

+ Quyết định số 524/2003 ngày 30/5/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 02 năm về hành vi trộm cắp tài sản. T đã chấp hành xong.

+ Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/7/2006, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục 02 năm về hành vi gây rối trật tự công cộng. T đã chấp hành xong.

+ Ngày 06/8/2008, Công an phường Q, thành phố S, H xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 45/2009/HSST ngày 28/4/2009, Tòa án nhân dân thành phố S, H xử phạt T 15 tháng tù và 50.000đ án phí về tội trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp là hàng hóa, vàng mã trị giá 2.148.000đ. T đã chấp hành xong hình phạt tù, chấp hành án phí ngày 08/6/2009.

[4] Về tiền án: Bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”

+ Bản án số 43/2015/HSST ngày 16/6/2015, Tòa án nhân dân thị xã S, H xử phạt 18 tháng tù và 200.000đ án phí về tội trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp là 01 bộ máy vi tính, cuộn dây điện và tiền, tổng trị giá 14.450.000đ. T chấp hành xong án phí ngày 01/7/2015, chấp hành xong hình phạt tù tháng 8/2016.

+ Bản án số 152/2016/HSST ngày 30/11/2016 Toà án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố H xử 18 tháng tù và 200.000đ án phí về tội Trộm cắp tài sản. Tài sản trộm cắp 01 xe mô tô trị giá 20.000.000đ. T chấp hành xong án phí ngày 25/5/2017, ra trại ngày 08/02/2018.

Bị cáo T là người đã nhiều lần bị xử phạt hành chính, bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc về hành vi “Trộm cắp tài sản” “Gây rối trật tự công cộng”, đã từng bị xử phạt tù và còn có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để sửa chữa mà vẫn phạm tội. Bị cáo xuất thân từ con em lao động nhưng lại ăn chơi đua đòi không chịu sự quản lý, giáo dục của gia đình và xã hội.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo HĐXX thấy:

- Về tình tiết tăng nặng TNHS: Không có, mặc dù bị cáo có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích xong tài sản bị cáo trộm cắp là tiền, số lượng 720.000đ nên không coi đây là tình tiết tăng nặng định khung mà chỉ là tình tiết định tội.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cần được áp dụng cho bị cáo T.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên HĐXX xét thấy bị cáo T là người coi thường pháp luật, do vậy cần buộc bị cáo T cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện.

[6] Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo T 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Xong Hội đồng xét xử thấy bị cáo không có vợ con, nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng nên cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo là thể hiện tính nhân đạo pháp luật xã hội chủ nghĩa và để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người lương thiện.

[7] Về vật chứng thu giữ: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Cơ quan điều tra Công an huyện Lạng Giang đã thu giữ của bị cáo T: 01 túi xách giả da màu nâu, có quai đeo là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nhưng có giá trị không lớn nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ căn cước mang tên Đỗ Mạnh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE; 01 ví giả da màu đen, số tiền 1.490.000đ (tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam) là tài sản của bị cáo T không liên quan hành vi trộm cắp cần trả lại cho bị cáo T nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với xe mô tô, biển kiểm soát 14P3- 6355, quá trình điều tra đã xác định là của anh Nguyễn Văn H, khi cho T mượn xe anh H không biết T dùng để đi trộm cắp, ngày 13/5/2018 Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh H, Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 29/3/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền 720.000đ cho anh Trần Văn K, anh K đã nhận tiền không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[9] Bị cáo đ- ọc quyền kháng cáo bản án và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Đỗ Mạnh T (tức T Mèo) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Xử phạt bị cáo Đỗ Mạnh T (tức T Mèo) 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/3/2018. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[4] Vật chứng:

Tịch thi tiêu hủy 01 túi xách giả da màu nâu, có quai đeo.

Trả lại bị cáo T 01 thẻ căn cước mang tên Đỗ Mạnh T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY NOTE; 01 ví giả da màu đen, số tiền 1.490.000đ (tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[5] Án phí:

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Bị cáo, Người bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trịnh Ân